

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI



ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

**KIỂM TRA CUỐI KỲ 1
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Môn: Toán 6

Ngày kiểm tra: 26 tháng 12 năm 2025

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (1,0 điểm) Hãy chọn đáp án đúng nhất

Câu 1. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.
- B. Số 14 không phải là số nguyên tố.
- C. Số 3 là số nguyên tố nhỏ nhất.
- D. Các số nguyên tố nhỏ hơn 10 là 2; 3; 5; 7.

Câu 2. Sắp xếp các số sau theo thứ tự tăng dần: -5; 3; 0; -2

- A. 0; 3; -2; -5
- B. -5; -2; 0; 3
- C. 3; 0; -5; -2
- D. -5; -2; 3; 0

Câu 3. Trong hình thoi, tính chất nào sau đây luôn đúng:

- A. Hai đường chéo vuông góc với nhau
- B. Bốn góc đều bằng nhau.
- C. Hai cạnh kề nhau song song.
- D. Hai đường chéo có độ dài bằng nhau.

Câu 4. Biểu đồ tranh dưới đây (Hình 1) cho biết: Số học sinh nữ của khối 6 một trường THCS. Em hãy cho biết lớp 6A5 nhiều hơn lớp 6A3 bao nhiêu học sinh nữ?

- A. 15
- B. 25
- C. 20
- D. 10

II. PHẦN TỰ LUẬN: (9,0 điểm)

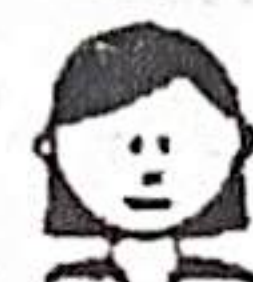
Bài 1. (3,0 điểm) Thực hiện phép tính:

- a) $52.87 + 14.52 - 52$
- b) $2^2 \cdot 2^3 - 5^3 : 5^2 + 1^{2025}$
- c) $92 - 3 \cdot \{11 + [(4 \cdot 3^2 - 30)^2 : 2]\}$

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết:

- a) $178 - x = -254$
- b) $(x - 15) \cdot 4 = 8^2$

Lớp	Số học sinh nữ
6A1	 
6A2	  
6A3	
6A4	 
6A5	  
6A6	 



– 10 học sinh nữ)

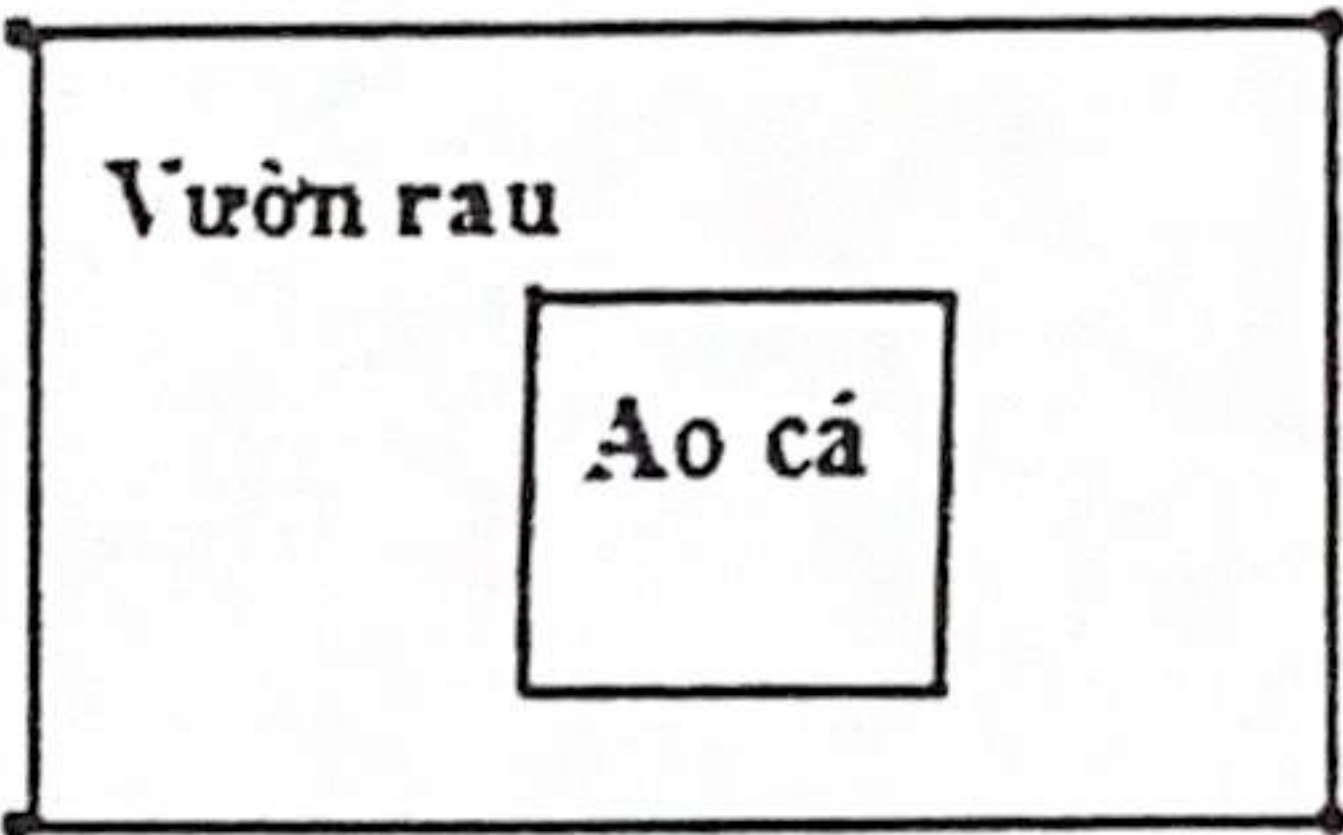
Hình 1

Bài 3. (1,5 điểm) Một cửa hàng bán đồ ăn nhanh, khi xếp số bánh bao vào các túi thì thấy rằng nếu xếp mỗi túi 10 cái bánh, 12 cái bánh hoặc 15 cái bánh đều vừa đủ. Tính số bánh bao của cửa hàng biết rằng số bánh bao trong khoảng từ 100 đến 150 cái.

Bài 4. (1,0 điểm) Nam vào nhà sách mua 12 quyển tập, 3 cây bút và 2 cây thước. Biết giá tiền mỗi quyển tập là 9000 đồng, mỗi cây bút giá 4000 đồng. Nam đưa cho cô thu ngân 200000 đồng và được cô trả lại 70000 đồng.

- a) Em hãy tính số tiền mà Nam đã dùng để mua các sản phẩm trên? (Bao gồm tập, bút và thước)
- b) Mỗi cây thước Nam mua có giá bao nhiêu tiền?

Bài 5. (1,0 điểm) Chú Minh có một khu vườn hình chữ nhật với chiều dài là 36m và chiều rộng là 24m. Bên trong vườn, chú Minh xây một ao nuôi cá hình vuông có cạnh là 9m, phần đất còn lại chú dùng để trồng rau (Hình 2).



Hình 2

- a) Chú Minh dự định mua một tấm lưới để rào xung quanh khu vườn của mình. Hỏi chú Minh cần mua tấm lưới dài bao nhiêu mét để bao vừa đủ khu vườn?
- b) Cứ mỗi mét vuông đất trồng rau cần 6 gram hạt giống. Vậy chú Minh cần bao nhiêu gram hạt giống để trồng hết vườn rau?

Bài 6. (1,0 điểm) Lớp 6B dự định tổ chức một trò chơi dân gian khi đi dã ngoại. Lớp trưởng đã yêu cầu mỗi bạn phải đề xuất một trò chơi bằng cách ghi vào phiếu. Sau khi thu phiếu, tổng hợp kết quả lớp trưởng thu được bảng sau:

Trò chơi	Cướp cờ	Nhảy bao bố	Đua thuyền trên cạn	Bịt mắt bắt dê	Kéo co
Số học sinh	5	12	6	8	9

- a) Trò chơi nào được học sinh đề xuất nhiều nhất?
- b) Trò chơi nào học sinh đề xuất ít nhất?
- c) Lớp 6B có tổng cộng bao nhiêu học sinh?

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:
Số báo danh:..... Phòng: Lớp:



HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
Môn kiểm tra: Toán 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (1,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
C	B	A	C

II. PHẦN TỰ LUẬN: (9,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1 (3,0 điểm)	a) $52 \cdot 87 + 14 \cdot 52 - 52$ $= 52 \cdot (87 + 14 - 1)$ $= 52 \cdot 100$ $= 5200$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
	b) $2^2 \cdot 2^3 - 5^3 : 5^2 + 1^{2025}$ $= 2^5 - 5^1 + 1$ $= 32 - 5 + 1$ $= 27 + 1$ $= 28$	0,5đ 0,25đ 0,25đ
	c) $92 - 3 \cdot \{11 + [(4 \cdot 3^2 - 30)^2 : 2]\}$ $= 92 - 3 \cdot \{11 + [(4 \cdot 9 - 30)^2 : 2]\}$ $= 92 - 3 \cdot \{11 + [(36 - 30)^2 : 2]\}$ $= 92 - 3 \cdot \{11 + [6^2 : 2]\}$ $= 92 - 3 \cdot \{11 + [36 : 2]\}$ $= 92 - 3 \cdot \{11 + 18\}$ $= 92 - 3 \cdot 29$ $= 92 - 87 = 5$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
2 (1,5 điểm)	a) $178 - x = -254$ $x = 178 - (-254)$ $x = 178 + 254$ $x = 432$	0,25đ 0,25đ
	b) $(x - 15) \cdot 4 = 8^2$ $(x - 15) \cdot 4 = 64$ $x - 15 = 64 : 4$ $x - 15 = 16$ $x = 16 + 15 = 31$	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,25đ
3 (1,5 điểm)	Số chiếc bánh bao của cửa hàng thuộc BC (10;12;15) trong khoảng từ 100 đến 150 chiếc. $10 = 2 \cdot 5$	0,25đ

	$12 = 2^2 \cdot 3$ $15 = 3 \cdot 5$ TSNT chung và riêng: 2; 3; 5 $BCNN(10; 12; 15) = 2^2 \cdot 3 \cdot 5 = 60$ $BC(10; 12; 15) = B(60) = \{0; 60; 120; 180; \dots\}$ Vì số chiếc bánh bao khoảng từ 100 đến 150 chiếc Nên số chiếc bánh bao của cửa hàng là 120 chiếc.	0,25đ 0,25đ 0,5đ 0,25đ
4 (1,0 điểm)	a) Số tiền Nam đã mua các sản phẩm là: $200\ 000 - 70\ 000 = 130\ 000$ đồng	0,5đ
	b) Số tiền mua 12 quyển tập và 3 cây bút là: $130\ 000 - (12 \cdot 9\ 000 + 3 \cdot 4\ 000) = 120\ 000$ đồng Giá tiền của một cây thước là: $(130\ 000 - 120\ 000) : 2 = 5\ 000$ đồng	0,25đ 0,25đ
	a) Độ dài tấm lưới chú Minh cần mua để bao vừa đủ khu vườn là: $(36 + 24) \cdot 2 = 120$ (m)	0,25đ
5 (1,0 điểm)	b) Diện tích ao nuôi cá: $9 \cdot 9 = 81$ (m ²) Diện tích đất dùng để trồng rau: $36 \cdot 24 - 81 = 783$ (m ²) Số gram hạt giống chú Minh cần mua để trồng hết vườn rau là: $783 \cdot 6 = 4698$ (gram)	0,25đ 0,25đ 0,25đ
6 (1,0 điểm)	a) Trò chơi được học sinh đề xuất nhiều nhất là Nhảy bao bố (12 học sinh)	0,25đ
	b) Trò chơi học sinh đề xuất ít nhất là Cướp cờ (5 học sinh)	0,25đ
	c) Tổng số học sinh của lớp 6B là: $5 + 12 + 6 + 8 + 9 = 40$ (học sinh)	0,5đ

***Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.**

Hết

TRẦN QUANG KHẢI

Thời gian làm bài: 90 phút

[illegible]

	trong thực tiễn	Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	1 TN3 0,25 đ					1 TL5a 0,5 đ		1 TL5b 0,5 đ	
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Phân tích và xử lí dữ liệu (bảng thống kê, biểu đồ tranh, cột, cột kép)			1 TN 4 0,25 đ	3 TL6a,b,c 1,0 đ					1,25đ 12,5%
Tổng: Số câu Điểm			3 0,75đ	2 1,5đ	1 0,25đ	6 4,0đ		3 2,5đ		2 1,0đ	17 10
Tỉ lệ %			22,5%		42,5%		25%		10%		100
Tỉ lệ chung			65%				35%				100

TTCM

TT	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	Nội dung 1: Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. - Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp;				
		Nội dung 2: Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. Thông hiểu: – Thực hiện được phép tính lũy thừa – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...). Vận dụng cao:	2 TL (TL1a, b)	2 TL (TL 1c, TL 2b)	1 TL (TL 4a)	1 TL (TL 4b)

2	Số nguyên		– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính.				
		Nội dung 3: Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết: – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. Vận dụng: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).	1TN (TN 1)		1 TL (TL 3)	
		Nội dung 1: Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Thông hiểu: – So sánh được các số nguyên cho trước.	1TN (TN 2)			
		Nội dung 2: Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. – Thực hiện được phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên (mức độ đơn giản) Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.		1 TL (TL 2a)		
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình khối trong thực tiễn.	Nội dung 1: Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều và các tính chất của hình Thông hiểu: – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc				

			vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo chính bằng nhau).				
		Nội dung 2: Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân	Nhận biết – Nhận dạng được Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân và các tính chất của hình – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. Thông hiểu: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...). Vận dụng, vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích xung quanh của hình ghép.	1 TN (TN 3)		1 TL (TL 5a)	1 TL (TL5b)
THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Thu thập và tổ chức dữ liệu	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ	Nhận biết: – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). Vận dụng: – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>).		1 TN (TN 4) 3 TL (TL 6a,b,c)		
Tổng số câu				5	7	3	2
Tỉ lệ %				22,5%	42,5%	25%	10%
Tỉ lệ chung				65%		35%	



(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm)

Câu 1: Người Ai Cập cổ đại đã phát minh ra loại giấy viết nào từ một loài cây mọc nhiều ven sông?

- A. Giấy dó. C. Giấy cốt-tông.
B. Giấy pa-pi-rút. D. Giấy trúc bạch.

Câu 2: Người đứng đầu nhà nước Ai Cập cổ đại, nắm giữ mọi quyền hành tối cao được gọi là gì?

- A. Thiên tử. B. En-xi. C. Pha-ra-ông. D. Hoàng đế.

Câu 3: Thời cổ đại, cư dân Trung Quốc tập trung chủ yếu ở lưu vực hai con sông lớn nào?

- A. Sông Nin. C. Sông Ấn và sông Hằng.
B. Sông Ti-gơ-rơ và sông Ô-phơ-rát. D. Sông Hoàng Hà và Trường Giang.

Câu 4: Phương pháp chữa bệnh độc đáo bằng những cây kim của Trung Quốc có tên gọi là gì?

- A. Xạ trị. B. Mát-xa. C. Châm cứu. D. Phẫu thuật.

Câu 5: Những học giả nổi tiếng như Ta-lét, Pi-ta-go, Ô-co-lít đã đóng góp to lớn cho nền văn minh Hy Lạp cổ đại ở lĩnh vực nào?

- A. Văn học và kịch nói. C. Toán học.
B. Lịch sử và địa lí. D. Y học.

Câu 6: Yếu tố nào giúp Hy Lạp phát triển giao thương, buôn bán?

- A. Có đường bờ biển dài và hàng nghìn hòn đảo nhỏ.
B. Có mối quan hệ tốt với các quốc gia láng giềng.
C. Nằm ở vị trí trung tâm trên tuyến đường vận chuyển quốc tế.
D. Có nhiều sản phẩm có giá trị cao.

Câu 7: Ý nào sau đây không đúng với chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất?

- A. Chuyển động từ tây sang đông. C. Trục quay có chiều thẳng đứng.
B. Tự quay quanh một trục tưởng tượng. D. Thời gian quay một vòng là 24 giờ.

Câu 8: Lực làm lệch hướng của các vật chuyển động theo chiều kinh tuyến có tên gọi là gì?

- A. Niu-ton. B. As-si-mét. C. Cô-ri-ô-lit. D. Trọng lực.

Câu 9: Việt Nam nằm trên mảng kiến tạo nào?

- A. Ấn Độ. C. Bắc Mỹ.
B. Á - Âu. D. Thái Bình Dương.

Câu 10: Sản phẩm phun trào của núi lửa là gì?

- A. Tro bụi. B. Đất đá. C. Mắcma. D. Dung nham.

Câu 11: Vùng đồi nằm ở vị trí nào?

- A. Trong vùng núi. C. Giữa vùng đồng bằng.
B. Giữa các cao nguyên. D. Chuyển tiếp giữa núi và đồng bằng.

Câu 12: Trong các từ sau đây, từ nào thể hiện tên một đồng bằng ở nước ta?

- A. Sông Đà. C. Sông Hằng.
B. Sông Hồng. D. Sông Xê Xan.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm)

Câu 13: “Hê-rô-đốt đã từng viết: Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin. Sông Nin không chỉ tạo nên ở vùng thung lũng một dải đất phù sa màu mỡ, có chỗ dày tới 10m, mà hằng năm còn mang nước tưới cho cây cối, hoa màu tốt tươi, biến Ai Cập từ “một đồng cát bụi” trở thành “một vườn hoa”...”

(Nguồn: *Lịch sử và Địa lí 6, Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022, trang 30*)

Từ đoạn trích trên, em hãy nhận định các ý sau đây đúng hay sai.

- A. Ai Cập là “tặng phẩm” của sông Nin, do sông Nin cung cấp phù sa màu mỡ và nước tưới.
- B. Phù sa do sông Nin bồi đắp có độ dày tối đa lên tới 10 mét.
- C. Việc sông Nin bồi đắp phù sa màu mỡ hằng năm là cơ sở cho việc hình thành nền kinh tế nông nghiệp ở Ai Cập cổ đại.
- D. Nhờ nguồn nước dồi dào của sông Nin, người Ai Cập cổ đại không cần phải xây dựng các công trình thủy lợi.

Câu 14: “Một đoàn leo núi chinh phục đỉnh Phan-xi-păng cao 3 143 m so với mực nước biển trong hành trình hai ngày, một đêm. Ngày đầu tiên, đoàn cắm trại nghỉ qua đêm ở điểm thứ nhất có độ cao 2 800 m. Sau khi lên đến đỉnh vào ngày hôm sau, đoàn quay về và nghỉ chân tại điểm thứ hai có độ cao 2 200 m trước khi xuống núi.”

(Nguồn: *Bài tập Lịch sử và Địa lí 6 (Phần Địa lí), NXB Giáo dục Việt Nam, 2021, trang 36*)

Từ đoạn trích trên, em hãy nhận định các ý sau đây đúng hay sai.

- A. Độ cao tuyệt đối của đỉnh Phan-xi-păng là 3 143 m.
- B. Độ cao tuyệt đối của đỉnh Phan-xi-păng là 2 800 m.
- C. Độ cao tương đối của đỉnh Phan-xi-păng là 600 m.
- D. Độ cao tương đối của đỉnh Phan-xi-păng với điểm thứ hai là 943 m.

III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN: (2,0 điểm)

Câu 15: Phát biểu sau đây là đúng hay sai? Nếu sai, em hãy sửa lại cho đúng.

“Thời cổ đại, ở Trung Quốc xuất hiện nhiều trường phái tư tưởng khác nhau, trong đó nổi bật là Nho gia với đại diện tiêu biểu là Tư Mã Thiên.”

(Nguồn: *Lịch sử và Địa lí 6, Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2022, trang 50*)

Câu 16: Trả lời câu hỏi sau đây bằng một cụm từ có 4 chữ.

Nhà nước do vua đứng đầu và có toàn quyền được gọi là nhà nước gì?

Câu 17: Phát biểu sau đây là đúng hay sai? Nếu sai, em hãy sửa lại cho đúng.

“Khi khu vực giờ gốc (GMT) là 12 giờ thì ở nước ta là 7 giờ.”

Câu 18: Trả lời câu hỏi sau đây bằng một cụm từ có 4 chữ.

Múi giờ có đường kinh tuyến gốc đi qua đài thiên văn Grin-uych ở thủ đô Luân Đôn (Vương quốc Anh) được chọn làm múi giờ gốc, đó là múi giờ số mấy?

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (1,5 điểm) Em hãy kể tên các con sông lớn gắn liền với quá trình hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông. Theo em, tại sao Hoàng Hà được gọi là “sông Mẹ” của Trung Quốc?

Câu 2: (1,5 điểm) Dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

- a) Cho biết bề mặt Trái Đất được chia làm bao nhiêu khu vực giờ, Việt Nam thuộc khu vực giờ thứ mấy?
- b) Em có nhận xét gì về hướng lệch của các vật thể chuyển động ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam theo chiều kinh tuyến?

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:

Số báo danh: Phòng: Lớp:

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm.

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
B	C	D	C	C	A
Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
C	C	B	D	D	B

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm) Mỗi ý đúng 0,25 điểm.

Câu	A	B	C	D
13	Đúng	Đúng	Đúng	Sai
14	Đúng	Sai	Sai	Đúng

III. TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN: (2,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,5 điểm.

Câu	Nội dung
15	- Trả lời: Sai → Sửa lại: Thời cổ đại, ở Trung Quốc xuất hiện nhiều trường phái tư tưởng khác nhau, trong đó nổi bật là Nho gia với đại diện tiêu biểu là <u>Khổng Tử</u> .
16	- Quân chủ chuyên chế.
17	- Trả lời: Sai → Sửa lại: Khi khu vực giờ gốc (GMT) là 12 giờ thì ở nước ta là <u>19 giờ</u> .
18	- Múi giờ số 0.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,5 điểm)	<i>Các con sông lớn gắn liền với quá trình hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông:</i> - Ai Cập: sông Nin. - Lưỡng Hà: sông Ô-phơ-rát và sông Ti-gơ-rơ. - Ấn Độ: sông Ấn và sông Hằng. - Trung Quốc: sông Hoàng Hà và sông Trường Giang. <i>Hoàng Hà được gọi là “sông Mẹ” của Trung Quốc vì:</i> - Hoàng Hà là cái nôi của nền văn minh Trung Hoa. - Cung cấp một lượng phù sa màu mỡ tạo ra vùng đồng bằng châu thổ phì nhiêu. - Thuận lợi cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của con người.	0,25đ 0,25đ 0,25đ 0,5đ 0,25đ
2 (1,5 điểm)	a) Bề mặt Trái Đất được chia làm 24 khu vực giờ, Việt Nam thuộc khu vực giờ thứ 7. b) So với hướng chuyển động ban đầu, vật thể đang chuyển động sẽ lệch về bên phải ở bán cầu Bắc và lệch về bên trái ở bán cầu Nam.	0,5đ 1,0đ

Hết



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ NĂM HỌC 2025 - 2026
KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6
Thời gian làm bài: 60 phút

TT	Chủ đề /Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn ⁽¹⁾			Đúng – sai ⁽²⁾			Trả lời ngắn ⁽³⁾										
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng		
1	XÃ HỘI CỔ ĐẠI.	Âi Cập cổ đại.	2	-	-	-	0,5	0,5	-	1	-	-	-	-	-	2	1,5	0,5	20%
		Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.	2	-	-	-	-	-	1	-	-	-	0,5	0,5	3	0,5	0,5	25%	
		Hì Lạp cổ đại.	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	5%	
2	TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI.	Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.	2	-	-	-	-	-	1	1	-	-	0,5	0,5	3	1,5	0,5	30%	
3	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT.	Cấu tạo của trái đất. Các mảng kiến tạo. Động đất và núi lửa	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	5%	
		Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các dạng địa hình chính. Khoáng sản.	2	-	-	-	0,5	0,5	-	-	-	-	-	-	2	0,5	0,5	15%	
Tổng số câu			12	-	-	-	1	1	2	2	-	-	1	1	14	4	2	20	
Tổng số điểm			3,0 ⁽⁵⁾			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10	
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100%	

⁽¹⁾ Mỗi câu hỏi bao gồm 4 ý nhỏ, mỗi ý học sinh phải chọn đúng hoặc sai. Một số tài liệu xếp loại câu hỏi này vào loại *Nhiều lựa chọn phức hợp* hoặc *Nhiều lựa chọn có nhiều phương án đúng*.

^{(2), (3)} Đối với môn học không sử dụng dạng này thì chuyển toàn bộ số điểm cho dạng “Đúng – Sai” hoặc “Nhiều lựa chọn” (Xóa các cột nếu không dùng đến và giãn cột “Nội dung/Đơn vị kiến thức”)

⁽⁴⁾ Có ở trong một số ô của ma trận, thể hiện số câu hỏi hoặc câu hỏi số bao nhiêu.

⁽⁵⁾ Lựa chọn sao cho được khoảng 3,0 điểm, tương ứng với tỉ lệ khoảng 30%; tương tự như thế đối với các dạng khác.

TT	Chủ đề /Chương	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	XÃ HỘI CỔ ĐẠI.	Ai Cập cổ đại.	Nhận biết – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập. – Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập. Thông hiểu – Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập. Vận dụng - Phân tích được vai trò của sông Nin đối với Ai Cập.	2 (NT)				0,5 (TH)	0,5 (VD)		1 (TH)				
		Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII.	Nhận biết – Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc Thông hiểu – Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. – Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ	2 (NT)						1 (NT)			0,5 (TH)	0,5 (VD)	

			phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng Vận dụng – Phân tích được vai trò của sông Hoàng Hà và Trường Giang đối với Trung Quốc.														
		Hi Lạp cổ đại.	Nhận biết – Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang Hy Lạp. – Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp.	2 (NT)													
2	TRÁI ĐẤT-HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI.	Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.	Nhận biết – Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. Thông hiểu – Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau Vận dụng – Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. – So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.	2 (NT)						1 (NT)	1 (TH)				0,5 (TH)	0,5 (VD)	
3	CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT.	Cấu tạo của trái đất. Các mảng kiến tạo. Động đất và núi lửa.	Nhận biết – Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. – Trình bày được mảng kiến tạo. – Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa.	2 (NT)													
		Quá trình nội sinh và ngoại sinh. Các	Nhận biết – Trình bày được các dạng địa hình.	2 (NT)					0,5 (TH)	0,5 (VD)							

		dạng địa hình chính. Khoáng sản.	– Kể được tên một số loại khoáng sản. Thông hiểu – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả. – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. Vận dụng – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng.												
		Tổng số câu		12				1	1	2	2			1	1
		Tổng số điểm			3,0		2,0			2,0				3,0	
		Tỉ lệ %			30		20			20				30	

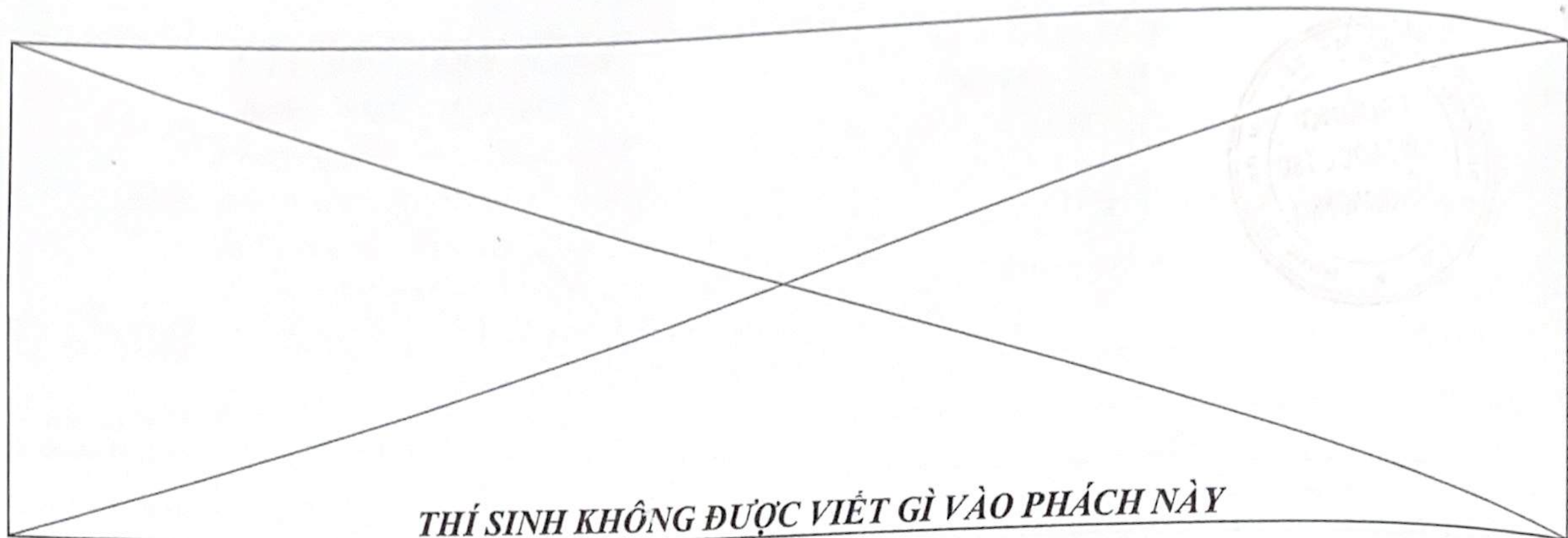
⁽⁶⁾ Có trong một số ô của bản đặc tả, ghi tắt tên của năng lực (đã được quy định trong chương trình môn học/hoạt động giáo dục).

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN QUANG KHẢI ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề kiểm tra gồm 04 trang)		KIỂM TRA CUỐI KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026 Môn kiểm tra: Tiếng Anh 6 Ngày kiểm tra: 29 tháng 12 năm 2025 Thời gian làm bài: 60 phút (Không kể thời gian phát đề)					
Họ và tên thí sinh: _____		Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	SỐ CỦA MỖI BÀI			
Lớp: 6A _____				Từ 1 đến 32 do Giám thị ghi			
SBD: _____ Phòng: _____				SỐ PHÁCH			
				do CT HD chấm thi ghi			
Nhận xét	Điểm (bằng số và bằng chữ)	Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	SỐ PHÁCH			
				do CT HD chấm thi ghi			
				SỐ CỦA MỖI BÀI			
				Từ 1 đến 32 do Giám thị ghi			
Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm tổng
LƯU Ý QUAN TRỌNG: Đề thi gồm 04 trang. Thí sinh làm bài ngay trên đề thi này. Thí sinh phải làm đúng theo hướng dẫn cách ghi câu trả lời ở mỗi phần. Bài làm chỉ được chấm ở các phần ANSWERS. Mọi cách ghi khác đều không được chấm điểm.							

I. Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (3,5 pts)
Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

1. Which word has the **underlined** part pronounced differently from that of the others?
A. blue B. black C. vegetable D. blond
2. Which word has the **underlined** part pronounced differently from that of the others?
A. dish B. idea C. music D. sister
3. Which word has a **different stress pattern** from that of the others?
A. sweater B. mystery C. fantasy D. computer
4. Which word has a **different stress pattern** from that of the others?
A. festival B. adventure C. parade D. activity
5. My sister is having a birthday party _____ Sunday morning.
A. at B. in C. on D. of
6. Tom, my friend, is very _____. He always thinks about other people.
A. selfish B. kind C. lazy D. funny
7. We are going to watch a new movie tonight. Do you want _____?
A. coming B. to come C. come D. to coming
8. Students learn about different countries and maps in _____ class.
A. physics B. math C. history D. geography
9. Henry doesn't like coffee. He _____ drinks it.
A. never B. usually C. always D. often
10. Our school has three interesting clubs. They are badminton, soccer, _____ tennis clubs.
A. or B. and C. so D. too
11. Look! The girls _____ soccer in our school yard.
A. is playing B. plays C. play D. are playing

ANSWERS
1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.
8.
9.
10.
11.



THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

12. Let's visit Can Tho. It is very famous _____ floating markets.
A. in B. on C. to D. for

13. Anna: _____

Minh: She is slim and has blue eyes.

- A. What does Mary look like? B. What is Mary like?
C. Do you like Mary? D. What does Mary like?

14. Tom: Are you free on Sunday?

Jessica: _____

- A. That's a good idea. B. Sure. Why?
C. Sure. I am never free. D. Yes, I do.

II. Look at the signs. Choose the best answer (A, B, C or D) for questions 15 and 16. (0,5 pt)
Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

15. What does sign (A) say?

- A. Don't take the message.
B. Don't leave the message.
C. Don't listen to music.
D. Don't use mobile phones.

Sign (A)



16. What does sign (B) say?

- A. Sit down.
B. Run fast.
C. Run slowly.
D. Go down.

Sign (B)



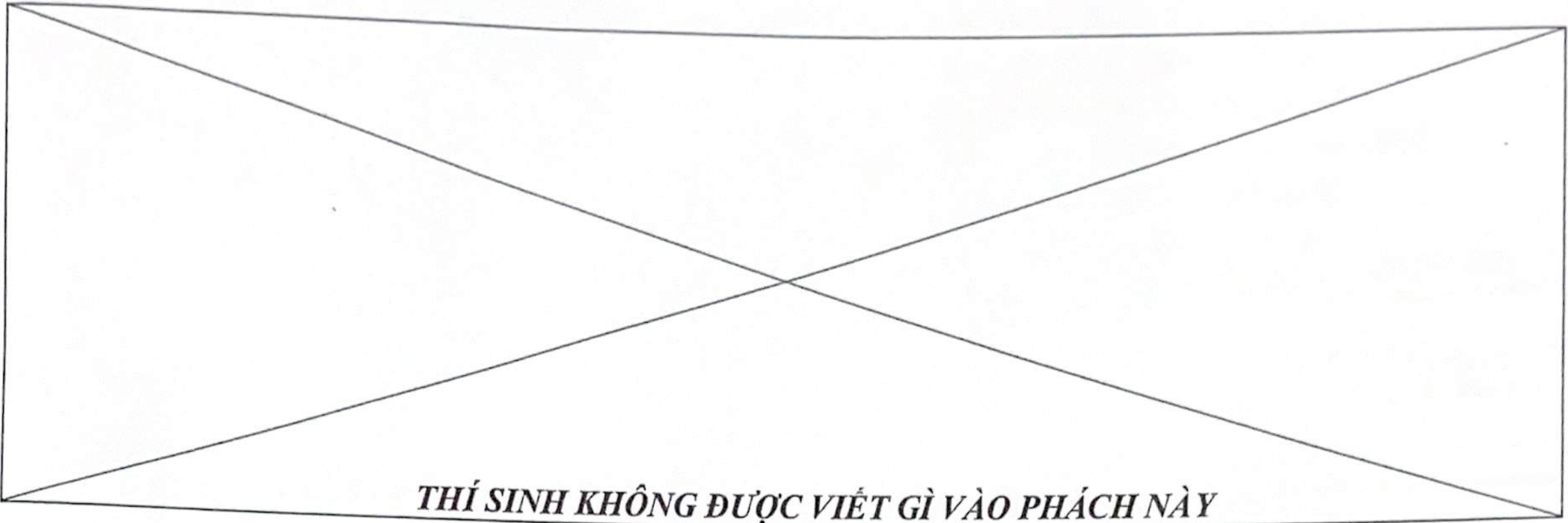
ANSWERS

15.

16.

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage. (1,5 pts)
Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

In Vietnam, people celebrate many different festivals each year. The biggest festival in Vietnam is Tết. This celebrates the beginning (17) _____ the Lunar New Year. Vietnamese people have to (18) _____ a lot for this festival. Before Tết, people buy fruits and flowers from the (19) _____ and decorate their houses. Most people buy a special tree with lots of flowers. In the north of Vietnam, people buy peach trees with pink flowers. In the south, people buy apricot trees with yellow flowers. Everyone cleans their house (20) _____ Tết. This is very important because you shouldn't (21) _____ it during Tết. During Tết, people visit their family and friends. Few people go to school or work. Children wear (22) _____ clothes and get lucky money. It's a great time to watch lion dances and fireworks. Everyone is happy and excited about the New Year. Vietnamese people love to celebrate this festival.



THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

17.

A. of

B. in

C. to

D. at
18.

A. watch

B. prepare

C. eat

D. play
19.

A. hospital

B. school

C. market

D. library
20.

A. during

B. after

C. while

D. before
21.

A. clean

B. cleaning

C. cleans

D. to clean
22.

A. old

B. new

C. big

D. special

ANSWERS
17.
18.
19.
20.
21.
22.

IV. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C or D) for questions 27 and 28. (1,5 pts)

SCHOOL CLUBS

We have lots of fun clubs at our school. If you like outdoor activities, the Soccer Club meets at 4.p.m. every Tuesday, with the Tennis Club at the same time on Thursdays. For indoor activities, the Board Games Club starts next week. It is popular so please sign up on the noticeboard. The Book Club welcomes anyone who likes reading. You don't need to sign up but please bring your own copy of The Secret Garden with you to the Library at 4 p.m. on Wednesday. Our Arts and Crafts Club is for people who like making things. The cost is \$20 per term for material.

A. Choose True or False.

Thí sinh phải viết đầy đủ True hoặc False vào phần ANSWERS.

23. Our school has many fun clubs.
24. The soccer club meets on Thursdays.
25. Remember to bring your copy of The Secret Garden when you go to the library.
26. Joining Arts and Crafts Club, you don't need to pay any money.

B. Choose the most suitable item.

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào phần ANSWERS.

27. What time does the Tennis Club meet?

A. at four p.m.

B. at five p.m.

C. at three p.m.

D. at six p.m.
28. Which club is for people who like reading?

A. The Board Games Club

B. The Book Club

C. The Arts and Crafts Club

D. The Soccer Club.
- | ANSWERS |
|---------|
| 23. |
| 24. |
| 25. |
| 26. |
| |
| 27. |
| |
| 28. |
- 3



THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1,5 pts)

Thí sinh viết từ cần điền vào phần **ANSWERS**.

29. Many people like Nam because he is very _____. (friend)
30. I think these _____ are so interesting. You should read them. (novelist)
31. Setting up the Christmas tree on the first day of December is a family _____. (traditional)
32. My classmates sometimes _____ a music show in our school yard. (performance)
33. My grandparents live in a _____ village in the countryside. (peace)
34. Da Lat has a lot of _____ painted houses. (bright)

ANSWERS

29. _____ 30. _____ 31. _____
32. _____ 33. _____ 34. _____

VI. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0,5 pt)

35. a great place / Sydney / to go / swimming and surfing / is / . /

36. likes / because / Lisa / this movie / very exciting / it is / . /

Thí sinh viết tiếp các nhóm từ và dấu câu theo đúng trình tự vào phần **ANSWERS** để thành câu hoàn chỉnh.

ANSWERS

35. Sydney _____
36. Lisa _____

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1,0 pt)

Thí sinh viết tiếp vào phần _____ để có được câu hoàn chỉnh.

37. The building is very big.
→ It is _____
38. Mr. Brown likes having a barbecue on the weekends.
→ Mr. Brown is _____
39. Nha Trang has many beautiful white sand beaches.
→ There are _____
40. What about going to the movies today?
→ Let's _____

THE END OF THE TEST

I. Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence. (3,5 pts)

1. C. vegetable
2. B. idea
3. D. computer
4. A. festival
5. C. on
6. B. kind
7. B. to come
8. D. geography
9. A. never
10. B. and
11. D. are playing
12. D. for
13. A. What does Mary look like?
14. B. Sure. Why?

II. Look at the sign / picture. Choose the best answer (A, B, C, or D) for each sign / picture. (0,5 pt)

15. D. Don't use mobile phones.
16. C. Run slowly.

III. Choose the word (A, B, C or D) that fits the blank space in the following passage. (1.5 pts)

17. A. of
18. B. prepare
19. C. market
20. D. before
21. A. clean
22. B. new

IV. Read the following passage. Decide if the statements from 23 to 26 are True or False, and choose the correct answers (A, B, C or D) for the questions 27 and 28. (1.5 pts)

23. True
24. False
25. True
26. False

27. A. at four p.m.

28. B. The Book Club

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1,5 pts)

29. friendly

30. novels

31. tradition

32. perform

33. peaceful

34. brightly

VI. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (0,5 pt)

35. Sydney is a great place to go swimming and surfing.

36. Lisa likes this movie because it is very exciting.

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (1,0 pt)

37. It is a (very) big building.

38. Mr. Brown is into / fond of / keen on / interested in having a barbecue on the weekends.

39. There are many beautiful white sand beaches in Nha Trang.

40. Let's go to the movies today.

The end



MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - i LEARN SMART WORLD 6 – NĂM HỌC 2025 - 2026
THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - i-LEARN SMART WORLD 6

STT	Kỹ năng	Dạng bài Chuẩn kiến thức	Mức độ								Số câu	Số điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng cấp thấp		Vận dụng			
			TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL			
I. Multiple choice (4 options)	Use of English	The different stress		Q1		Q2					2	0,5 = 5%
		The different sound		Q3		Q4					2	0,5 = 5%
		Grammar/structure		Q5		Q6					2	0,5 = 5%
		Preposition		Q7		Q8					2	0,5 = 5%
		Vocabulary		Q9		Q10					2	0,5 = 5%
		Verb form/tense		Q11		Q12					2	
		Conversation				Q13,14					2	0,5 = 5%
II.Signals (4 options)	Look at the sign/picture Thống nhất dùng câu lệnh <i>What does the sign say?</i> hoặc <i>What does the sign say?</i>					Q15,16					2	0,5 = 5%
II. Reading Cloze test (4 options)	Cloze test (Gồm 06 câu 02N,02Adj, 01 dạng thức động từ, 01 giới từ hoặc liên quan đến ngữ pháp.)					Q17,18,19, 20,21,22					6	1,5 = 15%
V. Reading omprehension	Reading Comprehension Choose True or False.					Q23,24,25, 26					4	1,0 = 10%
	Choose the most suitable item.							27,28			2	0,5 = 5%
Word form	Word form	Supply the correct form of the word given in brackets: - 02 Nouns - 02 Adjectives - 01 Verb - 01 Adverb					Q29,30, 31,32		Q33,34		6	1,5 = 15%
Rearrange	Make complete sentences(Cho từ gợi ý đầu câu)						Q35,36				2	0,5 = 5%
Transformation	Transformation (Gồm 04 câu viết lại: Mỗi câu sẽ chỉ có 1 hoặc 2 đáp án,câu trúc ngữ pháp hoặc Expressions.)						Q37,38		Q39,40		4	1,0 = 10%
	Total		0	6	0	20	8	2	4	0	40	10=100 %
Thí nghiệm: 28 câu (70%)	Tự luận: 12 câu (30%)											

II. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I _i-LEARN SMART WORLD 6

STT	Kỹ năng	Dạng bài Chuẩn kiến thức	Mức độ								Số câu	Số điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng cấp thấp		Vận dụng cấp cao			
			TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN		
I. Language (4 options)	Pronunciation	The different stress Đọc và nhớ trọng âm của bốn từ tiếng Anh đã học để chọn ra câu trả lời duy nhất là từ có trọng âm khác với ba từ còn lại.		Q1		Q2					2	0,5=5%
		The different sound Đọc và nhớ âm trong phần gạch chân của những từ tiếng Anh đã học để chọn ra câu trả lời duy nhất là từ có phần gạch chân được phát âm khác		Q3		Q4					2	0,5=5%
	Use of English Đọc các câu và đoạn hội	Grammar/ structure		Q5		Q6					2	0,5=5%
	thoại ngắn nhớ hoặc hiểu những từ , cụm từ, giới từ và điểm ngữ pháp tiếng Anh đã học để chọn câu trả lời đúng nhất.	Preposition		Q7		Q8					2	0,5=5%
		Vocabulary		Q9		Q10					2	0,5=5%
		Verb form/tense		Q11		Q12					2	0,5=5%
		Conversation				Q13, 14					2	0,5=5%
II.Signals (4 options)	Look at the sign/picture Choose the best answer (A, B, C, or D) for each sign/picture. Đọc hình ảnh và vận dụng kiến thức tiếng anh đã học để chọn câu trả lời đúng nhất. (<i>Cụ thể 01 câu sign hình ảnh; 01 câu sign có từ. Thống nhất dùng câu lệnh</i>) <i>What does the sign say?</i> <i>hoặc What does the sign say?</i>					Q15, 16					2	0,5=5%
III. Reading Comprehension	Reading Comprehension: Choose True or False. Đọc và hiểu văn bản nhật dụng bằng tiếng Anh cũng như 4 câu trần thuật để nhận dạng các câu trần thuật đó là đúng hay sai.					Q17, 18, 19,20					4	1,0=10 %

	Choose the most suitable item. Đọc văn bản bằng tiếng Anh vận dụng được kiến thức tiếng Anh đã học để diễn dịch đúng câu hỏi và chọn đúng phương án trả lời đúng nhất.							Q21, 22			2	0,5=5%
IV. Reading Cloze test (4 options)	Cloze test (Gồm 06 câu 02N, 02Adj, 01 dạng thức động từ, 01 giới từ hoặc liên quan đến ngữ pháp.) (4 options) Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage. Đọc đoạn văn ngắn bằng tiếng Anh hiểu được từ cụm từ và các điểm ngữ pháp trong đoạn văn để chọn câu trả lời đúng nhất điền vào chỗ trống trong đoạn văn đó.					Q23,24, 25,26, 27,28					6	1,5=15%
V. Word form	Word form Đọc các câu ngắn hiểu được vị trí của từ cho trước và viết vào đúng dạng của từ đó.	Supply the correct form of the word given in brackets: - 02 Nouns - 02 Adjectives - 01 Verb - 01 Adverb					Q29, 30 ,31,32		Q33, 34		6	1,5=15%
VI. Rearrange	Make complete sentences(Cho từ gợi ý đầu câu)						Q35, 36				2	0,5=5%
VII. Transformation	Transformation Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. Đọc câu ngắn cho trước vận dụng kiến thức đã học để viết 1 câu khác theo yêu cầu sao cho tương đương về ý nghĩa hoặc diễn dịch đúng ý nghĩa của các câu cho trước đó. (Gồm 04 câu viết lại: Mỗi câu sẽ chỉ có 1 hoặc 2 đáp án, cấu trúc ngữ pháp hoặc Expressions.)						Q37, 38		Q39, 40		4	1,0=10%
		Total	0	6	0	20	8	2	4	0	40	10=100%
Trắc nghiệm: 28 câu (70%)	Tự luận: 12 câu (30%)											

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

**KIỂM TRA CUỐI KỲ 1
NĂM HỌC 2025 – 2026**

Môn kiểm tra: Giáo dục công dân 6
Ngày kiểm tra: 26 tháng 12 năm 2025
Thời gian làm bài: 45 phút
(Không kể thời gian phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm)

Câu 1: Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây?

- A. Truyền thống gia đình có các nghề thủ công đã lạc hậu, cần phải xóa bỏ.
- B. Chỉ những dòng họ nổi tiếng mới có những truyền thống tốt đẹp.
- C. Gia đình, dòng họ nào cũng có truyền thống tốt đẹp cần phát huy.
- D. Gia đình, dòng họ nghèo thì không có gì đáng tự hào.

Câu 2: Đâu **không phải** là hành vi thể hiện việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ?

- A. Không làm điều gì tổn hại đến thanh danh của gia đình, dòng họ.
- B. Nghe theo lời dụ dỗ của kẻ xấu phá hoại truyền thống của gia đình.
- C. Quảng bá, giới thiệu nghề truyền thống của gia đình trên mạng xã hội.
- D. Dẫn khách du lịch đến tham quan làng nghề truyền thống của địa phương.

Câu 3: Quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những người khó khăn, hoạn nạn là khái niệm nào dưới đây?

- A. Yêu thương con người.
- B. Giúp đỡ người khác.
- C. Thương hại người khác.
- D. Đồng cảm và thương hại.

Câu 4: Câu tục ngữ nào sau đây nói về tình yêu thương con người?

- A. Lá lành đùm lá rách.
- B. Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ.
- C. Chị ngã em nâng.
- D. Cả A, B, C đúng.

Câu 5: Việc làm nào sau đây thể hiện yêu thương con người?

- A. Quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt.
- B. Giúp đỡ bà con nông dân tiêu thụ nông sản.
- C. Chăm sóc các thành viên trong gia đình.
- D. Cả A, B, C đúng.

Câu 6: Hành động nào dưới đây **không** thể hiện yêu thương con người?

- A. Giúp đỡ bà cụ qua đường.
- B. Tham gia hiến máu tình nguyện.
- C. Quyên góp đồ dùng, sách vở cho các bạn khó khăn.
- D. Cho bạn chép bài để bạn đạt điểm cao.

Câu 7: Làm việc tự giác, cần cù, chịu khó thường xuyên của con người là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. Kiên trì.
- B. Trung thực.
- C. Siêng năng.
- D. Tự giác.

Câu 8: Câu tục ngữ nào dưới đây **không** nói về đức tính siêng năng, kiên trì của con người?

- A. Có công mài sắt, có ngày nên kim.
- B. Kiến tha lâu đầy tổ.
- C. Đói cho sạch, rách cho thơm.
- D. Cần cù bù thông minh.

Câu 9: Để rèn luyện tính siêng năng, kiên trì trong học tập, em cần:

- A. đi học đều, chăm chỉ, nỗ lực phấn đấu đạt mục tiêu trong học tập.
- B. dành toàn bộ thời gian để học tập, không cần giải trí, tập thể dục thể thao.
- C. đi học thêm một cách tràn lan để nhanh chóng tiến bộ trong học tập.
- D. nhờ bạn làm bài hộ trong kì kiểm tra để đạt điểm cao.

Câu 10: Hành vi nào dưới đây thể hiện tôn trọng sự thật?

- A. Nhặt được của rơi nên sử dụng ngay.
- B. Phê phán những việc làm sai trái.
- C. Sử dụng tài liệu trong giờ kiểm tra.
- D. Che giấu việc làm sai của bạn.

Câu 11: Biểu hiện của tôn trọng sự thật là gì?

- A. Nói đúng sự thật với thầy cô, bạn bè và những người xung quanh.
- B. Người dân cung cấp đúng thông tin với những người có trách nhiệm.
- C. Nhận xét, đánh giá đúng sự thật, dù có thể không có lợi cho mình.
- D. Cả A, B, C đúng.

Câu 12: Cuộc tranh luận đang xảy ra giữa các bạn trong lớp 6A, cùng một sự việc mà các bạn đưa ra rất nhiều ý kiến khác nhau. Nếu em là học sinh của lớp 6A, em sẽ làm gì?

- A. Bảo vệ đến cùng ý kiến của mình, không cần lắng nghe ai.
- B. Lắng nghe, phân tích để chọn ý kiến đúng nhất.
- C. Không bao giờ dám đưa ra ý kiến của mình.
- D. Ý kiến nào được nhiều bạn đồng tình thì theo.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (4,0 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu 1: Hành vi nào đúng, hành vi nào sai khi giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ.

- a) Dành thời gian thăm hỏi, chăm sóc ông bà, người cao tuổi trong gia đình.
- b) Chỉ tập trung cho việc học, không cần quan tâm những việc khác của gia đình.
- c) Tìm hiểu những nét đẹp về truyền thống gia đình và dòng họ.
- d) Dòng họ là những gì xa vời, thuộc về quá khứ không cần quan tâm lắm.

Câu 2: Để thể hiện tình yêu thương con người đối với người thân trong gia đình, em sẽ:

- a) Chỉ cần yêu thương bố mẹ khi bố mẹ làm theo ý mình.
- b) Kính trọng, vâng lời, chia sẻ việc nhà với ông bà, cha mẹ và cố gắng học tập thật tốt.
- c) Khi thấy người thân mệt mỏi, em sẽ hỏi han và tìm cách giúp đỡ họ.
- d) Không cần xin lỗi khi làm sai với người thân, vì gia đình luôn phải tha thứ cho mình.

Câu 3: Bạn N ham mê trò chơi điện tử, nên dành rất ít thời gian cho việc học. Kết quả giữa học kì vừa rồi N chưa đạt, cô giáo chủ nhiệm đã gọi điện về thông báo với gia đình. Trong trường hợp này, em thấy lời khuyên nào đúng, lời khuyên nào sai để giúp N trong học tập.

- a) N nên nhờ bạn dạy thêm những trò mới.
- b) Khuyên N nên bỏ các trò chơi điện tử, chăm chỉ học tập.
- c) Mặc kệ N vì đó là lựa chọn của bạn.
- d) Đi nói xấu bạn N với các bạn trong lớp.

Câu 4: Hãy cho biết ý kiến nào đúng, ý kiến nào sai khi nói về ý nghĩa của việc tôn trọng sự thật.

- a) Tôn trọng sự thật góp phần bảo vệ cho lẽ phải, tránh oan sai, nhầm lẫn.
- b) Tôn trọng sự thật giúp mọi người tin tưởng, gắn kết với nhau hơn.
- c) Người tôn trọng sự thật luôn phải chịu thiệt thòi và có thể bị trả thù.
- d) Tôn trọng sự thật giúp tâm hồn thanh thản, cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn.

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Em đồng ý hoặc không đồng ý với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

Ý kiến 1: Trong thời đại công nghiệp 4.0, con người càng cần phải siêng năng, kiên trì.

Ý kiến 2: Những người thông minh không cần phải siêng năng, kiên trì.

Câu 2: (1,0 điểm)

Em hãy đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi:

Tình huống: Lớp 6A là lớp cuối cùng nộp sản phẩm của phong trào kế hoạch nhỏ. Khi mang sản phẩm xuống khu tập trung phế liệu, nhìn danh sách các lớp đã nộp, T thấy lớp mình chỉ kém lớp 6B có 3kg. Thầy tổng phụ trách lại vừa đi ra ngoài. T nói với H: “Hay là mình khai tăng lên 4kg để được vị trí số 1”. H kiên quyết phản đối và ghi đúng số lượng của lớp mình.

Em đồng ý với ý kiến của bạn T hay bạn H? Vì sao?

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:

Số báo danh:..... Phòng:.....Lớp:.....



A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN: (3,0 điểm)

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A			X						X			
B		X								X		X
C	X						X	X				
D				X	X	X					X	

- Học sinh trả lời đúng, mỗi câu đạt 0,25 điểm.

- Học sinh trả lời sai, mỗi câu trừ 0,25 điểm.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI: (4,0 điểm) Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu thí sinh chọn đúng (Đ) hoặc sai (S).

Câu 1.

CÂU	1	2	3	4
a	Đ	S	S	Đ
b	S	Đ	Đ	Đ
c	Đ	Đ	S	S
d	S	S	S	Đ

B. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Gợi ý trả lời:

Ý kiến 1: Em đồng ý với ý kiến này.

Vì trong thời đại công nghiệp 4.0, con người càng cần phải siêng năng, kiên trì. Nếu chúng ta không học hỏi nhiều hơn nữa, siêng năng hơn nữa thì sẽ bị đi lùi và không thể nào phát triển được.

Ý kiến 2: Em không đồng ý với ý kiến này.

Vì ai cũng cần phải siêng năng, kiên trì kể cả những người thông minh. Con người muốn tồn tại phải siêng năng, kiên trì lao động để tạo ra của cải, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Câu 2: (1,0 điểm)

Gợi ý trả lời:

- Em đồng ý với ý kiến bạn bạn H.

- Vì H biết tôn trọng sự thật, H kiên quyết phản đối lời nói của bạn T. H không nghe theo lời bạn T mà H nói đúng sự thật là ghi đúng số lượng sản phẩm của lớp mình.

Hết

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - LỚP 6

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh học kì I, năm học 2025 – 2026
- Nâng cao hiệu quả dạy học của giáo viên.
- Đề phải chính xác, đảm bảo kiến thức chuẩn, đạt hiệu quả kiểm tra.

II. HÌNH THỨC CỦA ĐỀ KIỂM TRA

- Hình thức đề kiểm tra: 70% trắc nghiệm (Trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm đúng sai), 30% tự luận.
- Thời gian: 45 phút.

III. MA TRẬN ĐẶC TẢ MÔN GDCD KHỐI 6

1. Ma trận

TT	Mạch nội dung	Tên bài/ Chủ đề	Mức độ đánh giá											Tổng					
			TNKQ									Tự luận			Biết	Hiểu	Vận dụng	điểm	%
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Trả lời ngắn			Biết	Hiểu	Vận dụng					
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng								
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào truyền thống gia đình, dòng họ	2			0,5	0,5								2,5	0,5		1,5	15%
2	Giáo dục đạo đức	Yêu thương con người	3	1		0,5	0,5								3,5	1,5		2	20%
3	Giáo dục đạo đức	Siêng năng kiên trì	3			0,5	0,5							1	3,5	0,5	1	3,75	37,5 %
4	Giáo dục đạo đức	Tôn trọng sự thật	2	1			1							1	2	2	1	2,75	27,5 %
Tổng số câu			10	2		1,5	2,5							2				16	
Tổng số điểm			3,0			4,0			0,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10	100 %
Tỉ lệ %			30			40			00			30			40	30	30	100	

2. Bản đặc tả

TT	Mạch kiến thức	Tên bài/chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Biết	Hiểu	Vận dụng
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	Giáo dục đạo đức	Tự hào truyền thống gia đình, dòng họ	Nhận biết: Nêu được một số truyền thống của gia đình, dòng họ. Thông hiểu: Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa truyền thống của gia đình, dòng họ.	2	1		0,5	0,5				
2	Giáo dục đạo đức	Yêu thương con người	Nhận biết: Nêu được khái niệm và biểu hiện của tình yêu thương con người. - Trình bày được giá trị của tình yêu thương con người. Thông hiểu: Thực hiện được những việc làm thể hiện tình yêu thương con người.	3			0,5	0,5				
	Giáo dục đạo đức	Siêng năng, kiên trì	Nhận biết: Nêu được khái niệm và biểu hiện của siêng năng, kiên trì. - Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì. Thông hiểu: - Siêng năng, kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống hàng ngày. - Đánh giá được sự siêng năng, kiên trì của bản thân và người khác trong học tập, lao động. Vận dụng: - Quý trọng những người siêng năng, kiên trì; góp ý cho những bạn có biểu hiện lười biếng hay nản lòng để	3			0,5	0,5				2

			khắc phục hạn chế này.									
4	Giáo dục đạo đức	Tôn trọng sự thật	Nhận biết: Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. Thông hiểu: Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. Vận dụng: Luôn nói thật với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. - Không đồng tình với việc nói dối hoặc che giấu sự thật.	2	1			1				1
			Tổng số câu	16	10	2		1,5	2,5			2
			Tổng số điểm	10		3,0		4,0			3,0	
			Tỉ lệ %	100		30		40			30	

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

Môn kiểm tra: Ngữ văn 6

Ngày kiểm tra: 23 tháng 12 năm 2025

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

PHẦN 1: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Em hãy đọc kĩ ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

VÕ SĨ BỌ NGỰA

“Một hôm, có một bà lão Bọ Ngựa đem một gã Bọ Ngựa nhỏ tới một bụi hoa hồng. Bà lão chọn một cành hồng còn sót nhiều lá tươi nhất, bà lão bảo con vào ở đây. Và bà dặn con:

- Con hãy ở lại trong cành cây này. Đói thì đã có lá tươi để ăn. Khát thì con uống sương đọng ban đêm. Bây giờ mùa lạnh gần tới, mẹ phải sang bên kia sông kiếm ít thức ăn. Con ở đây đợi mẹ chớ có chơi bời giao thiệp với ai...

Được mười hôm thì mẹ trở về. Nó mừng rỡ nhảy cẫng lên ôm lấy mẹ. Từ đây, hai mẹ con lại sống với nhau đề huề.

Một hôm trời có nắng. Hai mẹ con ra hong cánh dưới ánh mặt trời. Trong lúc vui chuyện Bọ Ngựa con kể với mẹ rằng:

- Mẹ ơi! Độ nọ khi mẹ sang bên kia sông, ở nhà con đã làm được nhiều điều ghê lắm.

- Con thử kể cho mẹ nghe những ghê gớm ấy đến thế nào?

- Con đánh thằng Châu Chấu Ma ở đằng kia. Nó phải nhận con là thầy nó. Con còn đánh cả thằng Gián Ống nữa...

Bọ Ngựa già mỉm cười:

- Tưởng là con đánh ai! Vốn Châu Chấu Ma và thằng Gián đã là đầy tớ của nhà này rồi. Con chẳng phải đánh, nó vẫn sợ như thường. Con đã làm một việc thừa. Chú Bọ Ngựa im lặng và không khoe thêm gì nữa. Nhưng bà lão Bọ Ngựa đã nói tiếp:

- Và con sang đánh nhau với cả mụ Bọ Muồm, con bắt mụ gọi con là võ sĩ Đại Mã. Mụ ấy nện cho con một trận mê tơi, con phải bỏ chạy về. Nhưng con cũng không chừa được cái thói khoác lác và hám danh? [...] Con còn đi gặp bác Cò Cộ, con dọa dẫm cả bác ta. Bác ta liền túm cổ con, bay lên ngọn cây dừa... Phải kể đến đây thì mới hết tất cả những chuyện mà con đã làm trong khi mẹ vắng nhà. Có phải thế chẳng? Con ơi! Mụ Bọ Muồm và bác Cò Cộ đã kể cho mẹ nghe hết tất cả những thói ngông cuồng, lếu lảo của con. Con hư lắm. Con đừng tưởng

rằng họ không đánh nổi con. Họ muốn con mở mắt ra, con thử ra đời rồi con mới thực sự hiểu rằng đường đời mỗi bước một khó.

Trong khi bà lão Bọ Ngựa nói, chú Bọ Ngựa cứ ngẩn mặt. Rồi hai hàng nước mắt rưng rưng. À, chú Bọ Ngựa hợm mình đã biết hồi rồi.

(Theo Tô Hoài - trích “Võ sĩ Bọ Ngựa” - In trong *Những truyện hay viết cho thiếu nhi*, Năm 2015, NXB Kim Đồng, Tr.74,75)

Câu a: Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu dấu hiệu nhận biết. (1,0 điểm)

Câu b: Tìm một trạng ngữ có trong câu văn sau và cho biết chức năng của trạng ngữ vừa tìm được. (1,0 điểm)

“Từ đây, hai mẹ con lại sống với nhau đề huề.”

Câu c: Em hãy nêu chủ đề của truyện “Võ sĩ Bọ Ngựa”. (1,0 điểm)

Câu d: Qua hành động của chú Bọ Ngựa trong phần in đậm, em thấy Bọ Ngựa là nhân vật như thế nào? (1,0 điểm)

Câu e: Từ văn bản “Võ sĩ Bọ Ngựa” em rút ra được bài học gì cho bản thân? Hãy trả lời trong khoảng 70 đến 100 chữ. (2,0 điểm)

PHẦN 2: VIẾT (4,0 điểm)

Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Nhờ trải nghiệm, chúng ta có thể cảm nhận thiên nhiên, con người. Hãy kể lại một trải nghiệm khiến em nhớ mãi.

Hết

(Học sinh nộp lại đề sau khi hết thời gian làm bài)

Họ tên học sinh:

Số báo danh:..... Phòng: Lớp:



PHÂN	Nội dung	Điểm
1. ĐỌC HIỂU	Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu bên dưới	6,0
	Câu a: - Đoạn ngữ liệu trên được kể theo ngôi thứ 3 - Dấu hiệu nhận biết: Người kể giấu mình đi và gọi tên các nhân vật bằng tên của chúng	1,0
	Câu b: - Trạng ngữ: Từ đây - Chức năng: Bổ sung thông tin về thời gian	1,0
	Câu c: Chủ đề - Truyện phê phán thói kiêu căng, khoác lác, hám danh của Bộ Ngựa. - Ca ngợi tinh thần biết hối lỗi và sự dạy bảo đúng mực, giàu tình thương của mẹ, giúp con trưởng thành.	1,0
	Câu d: - Hành động của chú Bộ Ngựa: <i>ngắn mắt, hai hàng nước mắt rung rung</i> → Bộ Ngựa đã nhận ra những việc làm sai trái của mình và hối lỗi.	1,0
	Câu e: Học sinh có thể rút ra những bài học sau: - Cần phải biết vâng lời cha mẹ, người lớn; không tự ý làm theo sở thích của mình để tránh gặp nguy hiểm - Không nên kiêu ngạo, ngông cuồng mà xem thường người khác - Khi mắc lỗi cần biết nhận ra lỗi lầm và sửa đổi... * <i>Chú ý:</i> Chấp nhận các bài học khác, hợp lí thì đều cho điểm - ...	2,0
2. VIẾT	Cuộc sống của mỗi người là một chuỗi những trải nghiệm. Nhờ trải nghiệm, chúng ta có thể cảm nhận thiên nhiên, con người. Hãy kể lại một trải nghiệm khiến em nhớ mãi.	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài tự sự	0,5

	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài giới thiệu được trải nghiệm, Thân bài trình bày được diễn biến sự việc, Kết bài nêu được ý nghĩa của trải nghiệm đối với người viết.	
	b. Xác định đúng nội dung - Kể lại một trải nghiệm - Bài học ý nghĩa từ trải nghiệm	3,0
	c. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
	d. Sáng tạo: Lời văn sinh động, có cảm xúc, cách diễn đạt sáng tạo.	0,25

Hết

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Ngữ văn 6

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Văn bản văn học (truyện/thơ lục bát)	0	1,5	0	2,5	0	1	60
2	Viết	Bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			0	1,5	0	2,5	0	2	
Tỉ lệ %			25		45		30		100
Tỉ lệ chung %			70				30		100

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Ngữ văn 6

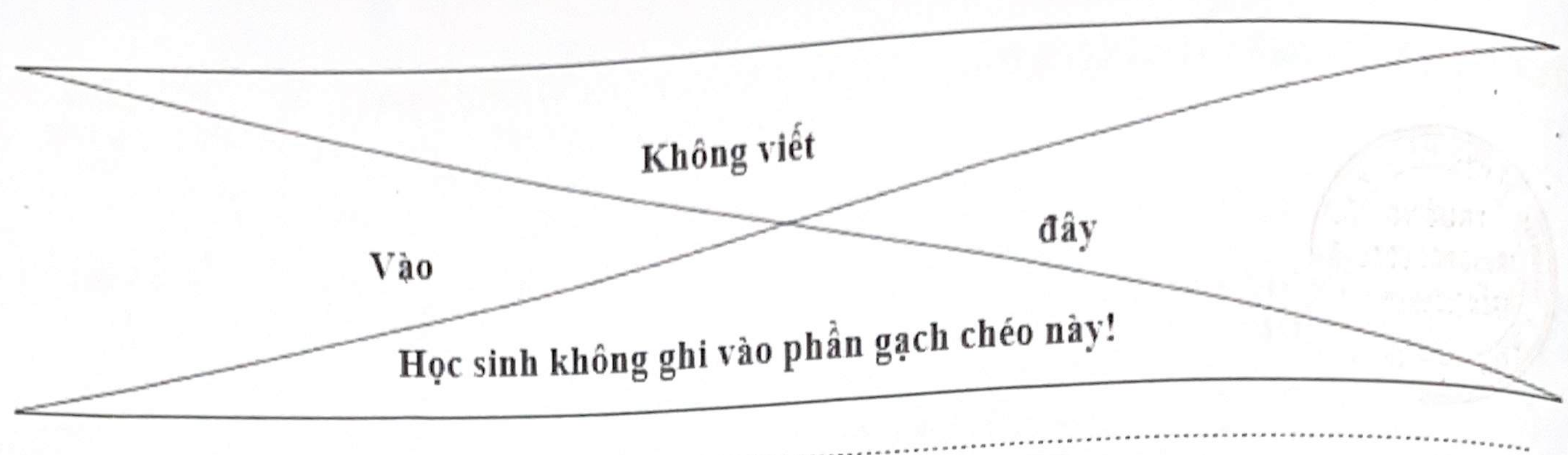
Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại (<i>Võ sĩ Bọ Ngựa</i>)	Nhận biết: - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	1 TL			
		Trạng ngữ	Nhận biết: - Xác định trạng ngữ	0.5 TL			
		Truyện đồng thoại (<i>Võ sĩ Bọ Ngựa</i>)	Thông hiểu: - Nhận biết được chủ đề của văn bản. - Nhận biết được đặc điểm nhân vật thể hiện hành động của nhân vật.		1 TL 1TL		
		Tiếng Việt	- Nêu chức năng của trạng ngữ		0,5 TL		
			Vận dụng: Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của cá nhân do văn bản đã đọc gợi ra (trả lời khoảng 70 - 100 chữ).			1 TL	
2	Viết	Viết bài văn tự sự	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	
	Tổng			1,5 TL	2,5 TL	2 TL	6 TL
	Tỉ lệ %			25	45	30	100
	Tỉ lệ chung			70		30	100

TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHAI Lớp: 6A..... Phòng: Họ và tên:.....		KIỂM TRA CUỐI KỲ I (2025 - 2026) Thời gian làm bài: 60 phút (Không kể thời gian phát đề) Ngày kiểm tra: 23 tháng 12 năm 2025		Số của mỗi bài từ 1 đến 32
Môn KHÓA HỌC TỰ NHIÊN 6 ĐỀ CHÍNH THỨC Đề kiểm tra gồm 04 trang	Số báo danh	Chữ ký, ghi rõ họ tên CBCKT 1	Chữ ký, ghi rõ họ tên CBCKT 2	Số mật mã

Lời phê của giám khảo	Điểm kiểm tra	Chữ ký, ghi rõ họ tên giám khảo	Số mật mã	Số của mỗi bài từ 1 đến 32
-----------------------	---------------	---------------------------------	-----------	-------------------------------

- I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)** Đọc kỹ đề bài và chọn đáp án đúng nhất:
Chọn: khoanh tròn ○; bỏ chọn: ⊗; chọn lại: tô đậm ●
- Câu 1:** Đơn vị đo chiều dài trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là:
A. đêximét (dm). B. mét (m). C. centimet (cm). D. milimet (mm).
- Câu 2:** Việc ước lượng chiều dài của một vật trước khi tiến hành đo có tầm quan trọng như thế nào?
A. Giúp biết chính xác kết quả đo mà không cần dùng thước.
B. Giúp chọn được dụng cụ đo (thước) có giới hạn đo và độ chia nhỏ nhất phù hợp.
C. Giúp đặt mắt đúng cách.
D. Giúp đọc kết quả đo chính xác.
- Câu 3:** Trong đời sống hàng ngày, ứng dụng phổ biến nhất của nhiên liệu gas (khí đốt) là gì?
A. Dùng để đun nấu thức ăn. B. Dùng để chạy các loại ô tô.
C. Dùng làm mực in. D. Dùng để bôi trơn động cơ.
- Câu 4:** Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta không dùng biện pháp nào sau đây?
A. Phơi củi cho thật khô. B. Chẻ nhỏ củi.
C. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy. D. Xếp củi chồng lên nhau, càng sát càng tốt.
- Câu 5:** Chất tinh khiết được tạo ra từ...
A. một chất duy nhất. B. một nguyên tố. C. một nguyên tử. D. hai chất khác.
- Câu 6:** Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng?
A. Cát tan được trong nước. B. Đường không tan được trong nước.
C. Muối ăn ta được trong nước. D. Dầu ăn tan được trong nước.
- Câu 7:** Để tách muối ra khỏi dung dịch nước muối ta thường dùng phương pháp?
A. Cô cạn. B. Tách. C. Lọc. D. Chưng cất.
- Câu 8:** Tác dụng chủ yếu của việc đeo khẩu trang là gì?
A. Tách hơi nước ra khỏi không khí hít vào. B. Tách oxygen ra khỏi không khí hít vào.
C. Tách khí carbon dioxide ra khỏi không khí hít vào. D. Tách khói bụi ra khỏi không khí hít vào.
- Câu 9:** Trong máy lọc nước có nhiều lõi lọc khác nhau. Trong đó, có một lõi làm bằng bông được ép rất chặt. Theo em, lõi bông đó có tác dụng gì?
A. Lọc chất tan trong nước. B. Lọc chất không tan trong nước.
C. Lọc và giữ lại khoáng chất. D. Lọc hoá chất độc hại.
- Câu 10:** Bào quan lục lạp trong tế bào thực vật có chức năng gì?
A. Nơi diễn ra hoạt động sống của tế bào. B. Loại bỏ các chất thải trong tế bào.
C. Hấp thụ năng lượng ánh sáng để quang hợp. D. Bảo vệ tế bào.
- Câu 11:** Thành phần nào có trong tế bào thực vật mà không có trong tế bào động vật?
A. Màng tế bào. B. Chất tế bào.
C. Nhân tế bào hoặc vùng nhân. D. Lục lạp.



- Câu 12:** Vai trò nào sau đây *không phải* của không khí?
- A. Cung cấp oxygen duy trì sự sống và sự cháy.
 - B. Nitrogen trong không khí chuyển hóa giúp cây sinh trưởng.
 - C. Sản xuất khí oxygen và khí nitrogen.
 - D. Cung cấp khí carbon dioxide ngăn cản sự quang hợp của thực vật.
- Câu 13:** Biểu hiện nào sau đây không phải là biểu hiện của sự ô nhiễm không khí?
- A. Giảm tầm nhìn do chứa nhiều bụi và khói
 - B. Da bị kích ứng nhiễm các bệnh đường hô hấp
 - C. Gây biến đổi khí hậu do mưa acid, bầu trời bị sương mù cả ban ngày
 - D. Buổi sáng mai thường có sương đọng trên lá
- Câu 14:** Tế bào hồng cầu có hình dạng?
- A. Hình cầu
 - B. Hình sao
 - C. Hình đĩa
 - D. Hình trụ
- Câu 15:** Hỗn hợp nào sau đây không được xem là dung dịch?
- A. Hỗn hợp nước đường.
 - B. Hỗn hợp nước muối.
 - C. Hỗn hợp bột mì và nước.
 - D. Hỗn hợp nước và rượu.
- Câu 16:** Sự lớn lên và sinh sản của tế bào có ý nghĩa:
- A. là cơ sở cho sự lớn lên của sinh vật, giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật.
 - B. giúp thay thế các tế bào bị tổn thương hoặc tế bào chết ở sinh vật đã chết.
 - C. là cơ sở cho sự lớn lên của vật không sống.
 - D. Không có ý nghĩa gì đối với sinh vật.

II. TRẮC NGHIỆM MỆNH ĐỀ ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm)
Đánh dấu X vào các ô “Đúng”, “Sai” tương ứng.

Câu 17: Em hãy dùng kiến thức về chất để nhận định các câu sau đây là đúng hay sai?	Đúng	Sai
A. Mọi vật thể đều do chất tạo nên. Vật thể có sẵn trong tự nhiên được gọi là vật thể tự nhiên; Vật thể do con người tạo ra được gọi là vật thể nhân tạo.		
B. Các chất có thể tồn tại ở ba thể cơ bản khác nhau; đó là rắn, lỏng, cứng		
C. Quá trình đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng thể hiện tính chất hóa học.		
D. Nước đường để lâu ngoài không khí có thể bị giảm dần lượng nước do nước bay hơi.		

Câu 18: Em hãy dùng kiến thức về tế bào để nhận định các câu sau đây là đúng hay sai?	Đúng	Sai
A. Mọi cơ thể sống đều được cấu tạo từ tế bào.		
B. Tế bào được cấu tạo từ ba thành phần chính là màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào hoặc vùng nhân. Các thành phần này cùng thực hiện một chức năng.		
C. Tế bào thực vật có bào quan lục lạp thực hiện chức năng quang hợp.		
D. Tế bào thực hiện trao đổi chất để lớn lên, khi đạt kích thước nhất định một số tế bào thực hiện phân chia tạo ra các tế bào con		

Không viết

Vào

đây

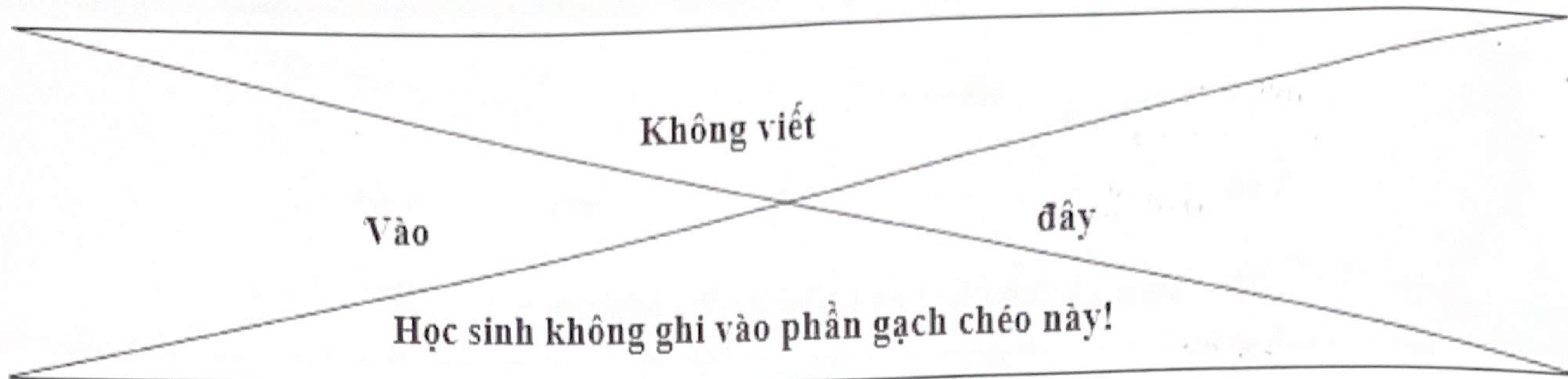
Học sinh không ghi vào phần gạch chéo này!

III. TỰ LUẬN: (4,0 điểm)

Câu 19: (0,5 điểm) Khi cầm một thanh sô-cô-la trong tay, sô-cô-la dần mềm ra rồi chuyển sang dạng lỏng. Hãy trình bày quá trình chuyển thể của sô-cô-la trong hiện tượng trên?

Câu 20: (1,0 điểm) Khi đang ở trong khu vực không khí bị ô nhiễm, em cần làm gì để bảo vệ sức khỏe bản thân và gia đình?

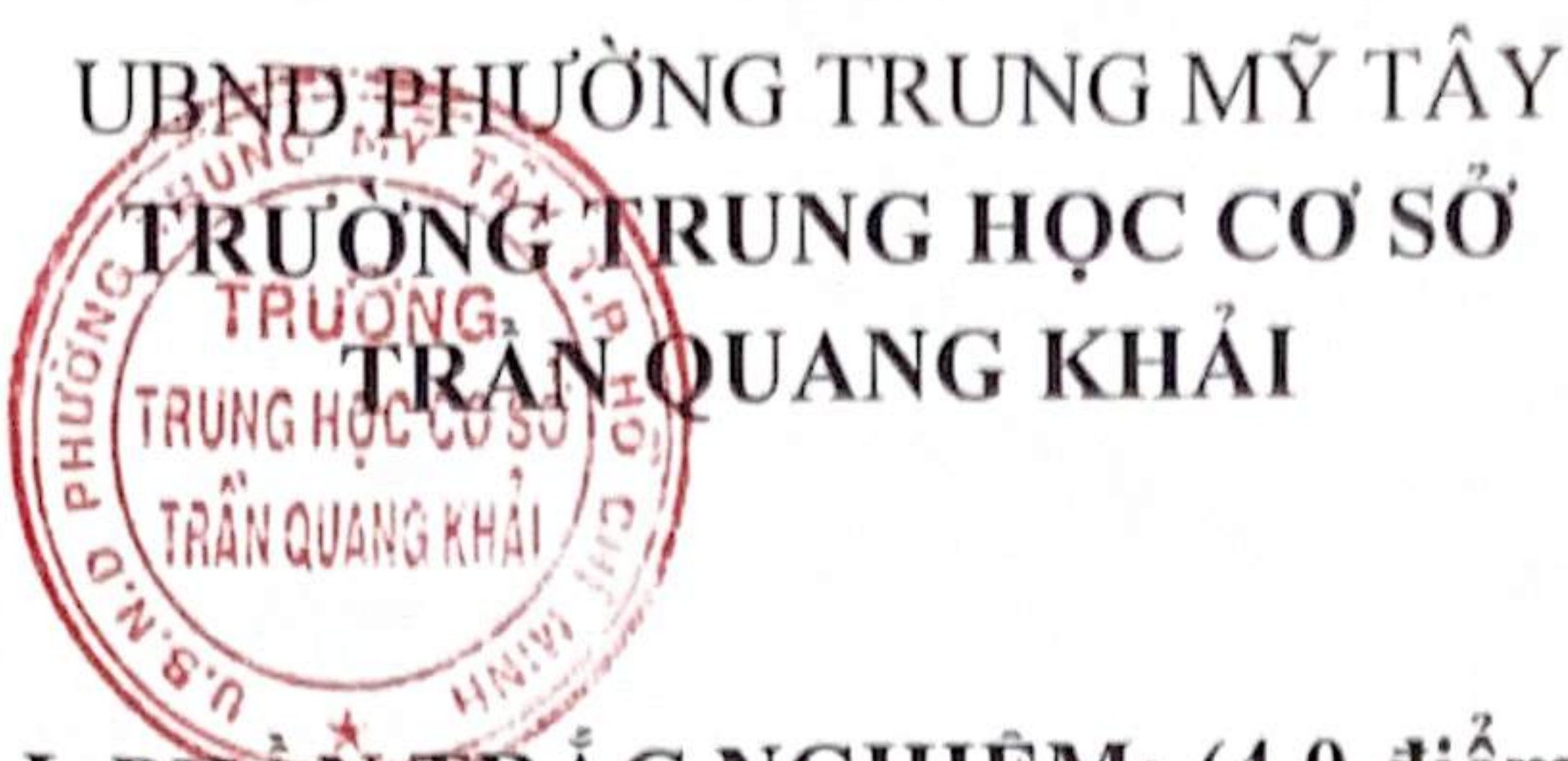
Câu 21: (1,0 điểm) Tại trường em, nhiều bạn có thói quen mở máy lạnh, quạt, đèn trong lớp học khi trời mát, sáng và ngay cả khi không có các bạn học sinh trong lớp học. Điều này làm tăng lượng điện năng tiêu thụ của trường. Em hãy đề xuất bốn biện pháp cụ thể để giúp làm giảm lãng phí năng lượng và sử dụng nhiên liệu hiệu quả?



Câu 22: (1,5 điểm) Khi vắt cam để làm nước uống, ta quan sát thấy có nhiều tép cam nhỏ lơ lửng bên trong. Trong khi đó một số sản phẩm cam đóng chai mua ở siêu thị lại rất trong và không có tép.

- a) Em hãy cho biết nước ép cam tự vắt tại nhà là hỗn hợp đồng nhất hay không đồng nhất? Vì sao?
b) Từ hai loại nước cam trên, hãy phân biệt đâu là dung dịch, đâu là huyền phù?

Hết.



UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN QUANG KHẢI

HƯỚNG DẪN CHẤM
KIỂM TRA CUỐI KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
Môn kiểm tra: Khoa học tự nhiên 6

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm) Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đáp án	B	B	A	D	A	C	A	D	B	C	D	D	D	C	C	A

II. PHẦN TRẮC NGHIỆM MỆNH ĐỀ ĐÚNG/SAI: (2,0 điểm) Mỗi ý đúng 0,25 điểm

Câu 17: A – Đúng. B – Sai. C – Sai. D – Đúng.

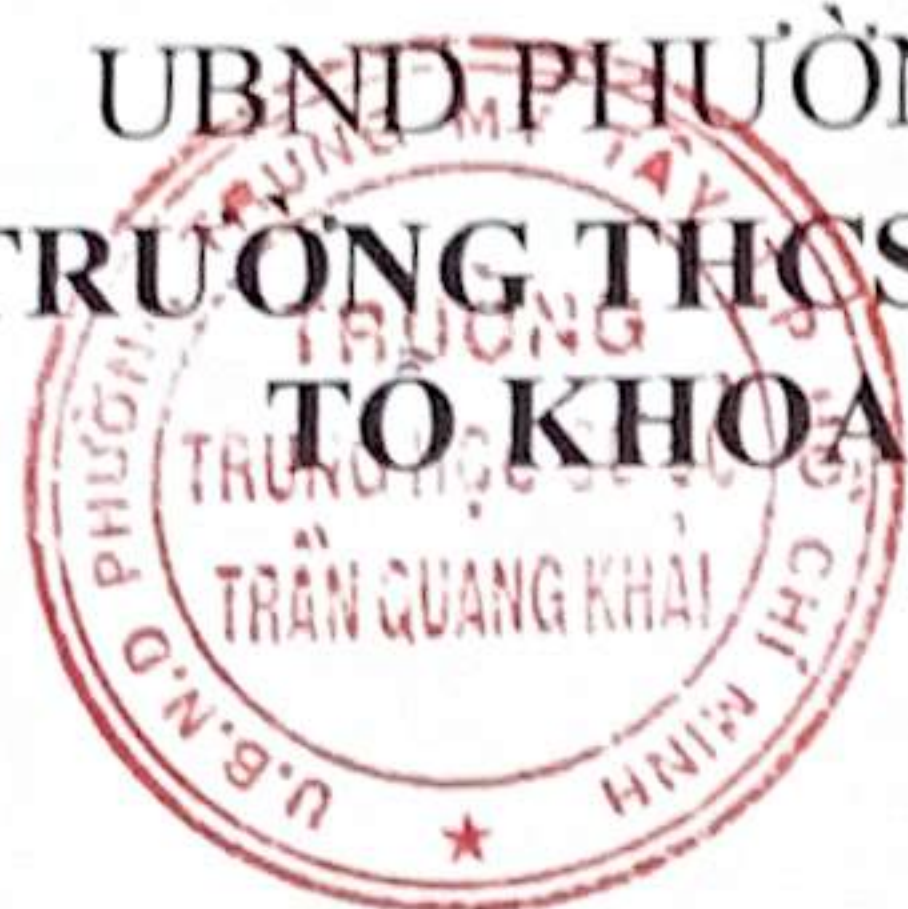
Câu 18: A – Đúng. B – Sai. C – Đúng. D – Đúng.

III. PHẦN TỰ LUẬN: (4,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
19 (0,5 điểm)	Ban đầu thanh sô-cô-la ở thể rắn. Khi được cung cấp nhiệt từ tay thanh sô-cô-la chuyển từ thể rắn sang thể lỏng.	0,5đ
20 (1,0 điểm)	- Đeo khẩu trang. - Đeo kính chắn bụi. - Sử dụng nước muối sinh lý để vệ sinh mắt. - Vệ sinh nhà cửa sạch sẽ. ...	Mỗi ý đúng, hợp lý 0,25đ
21 (1,0 điểm)	- Tắt đèn, quạt khi ra khỏi lớp. - Những ngày trời mát mở cửa sổ để tận dụng ánh sáng và gió tự nhiên. - Trồng thêm cây xanh quanh trường để giảm nhiệt độ bên ngoài. - Xây dựng nội quy lớp học. - Treo khẩu hiệu ...	Mỗi ý đúng, hợp lý 0,25đ
22 (1,5 điểm)	a) Nước ép cam tự vắt tại nhà là hỗn hợp không đồng nhất. Vì có những tép cam lơ lửng trong nước. b) - Nước cam đóng chai là dung dịch. - Nước ép cam tự vắt ở nhà là huyền phù.	0,5đ 0,5đ 0,5đ

Hết.

UBND PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY
TRƯỜNG THCS TRẦN QUANG KHẢI
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN



MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI 60 PHÚT
TRẮC NGHIỆM 40% - CÂU ĐÚNG SAI 20% - TỰ LUẬN 40%

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần từ 22/12/2025 đến 27/12/2025
2. Thời gian làm bài: 60 phút.
3. Nội dung: Từ bài 4: Đo chiều dài đến bài đến bài 19. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào.
4. Hình thức kiểm tra:

Phần I (4,0 điểm)	Phần II (2,0 điểm)	Phần III (4,0 điểm)
16 câu trắc nghiệm 4 lựa chọn (0,25 điểm/câu).	2 câu trắc nghiệm đúng sai, mỗi câu 4 ý (1,0 điểm/câu).	4 câu tự luận (2 câu - 1 ý 2,0 điểm, 1 câu - 1 ý 0,5 điểm, 1 câu – 2 ý 1,5 điểm).

✓ Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

5. Bảng năng lực và cấp độ tư duy:

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Phần I			Phần II			Phần III		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Nhận biết KHTN	8			6					
Tìm hiểu tự nhiên		8			2		1	1	
Vận dụng kiến thức kĩ năng									3
Tổng	8	8		6	2		1	1	3

Ghi chú: Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi

6. Cấu trúc:

	Phần I (4,0 điểm)				Câu Đúng, Sai	Phần II (2,0 điểm)			Tự luận	Phần III (4,0 điểm)		
	Trắc nghiệm	Mức độ				Mức độ				Mức độ		
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Biết	Thông hiểu	Vận dụng
Số câu/ý	16	08	08		08	06	02		05	1	1	3
Số điểm	4,0	2,0	2,0		2,0	1,5	0,5		4,0	0,5	0,5	3,0
Điểm lý thuyết		4,0				2,0				4,0		
Điểm bài toán												

7. Ma trận:

STT	Nội dung kiến thức	Phần I			Phần II			Phần III		
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Bài 4: Đo chiều dài	C1	C2							
2	Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất.				C17 a,b,c	C17 d			C19	
3	Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí.		C12, 13							C20
4	Bài 12: Nhiên liệu và an ninh năng lượng	C3	C4							C21
5	Bài 15: Chất tinh khiết – Hỗn hợp	C5, 6	C15		C18 a,b,c	C18 d		C22a		C22b
6	Bài 16: Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp	C7, 8	C9							
7	Bài 17: Tế bào	C10, C14	C11, 16							
	Câu/ý	08	08		6 ý	2 ý		1 ý	1 câu	2 câu 1 ý
	Tổng điểm	2,0	2,0		1,5	0,5		0,5	0,5	3,0

8. Đặc tả:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM					
Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng
	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu	
Bài 4: Đo chiều dài	- Nêu được cách đo chiều dài của một vật. - Nêu được dụng cụ đo chiều dài của một vật. - Nêu được đơn vị đo chiều dài của một vật.	[1]	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài của một vật và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng chiều dài của vật trước khi đo.	[2]	
Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí			- Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. - Trình bày được ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.	[12] [13]	
Bài 12: Nhiên liệu và an ninh năng lượng	- Trình bày được một số ứng dụng của nhiên liệu (gas, xăng dầu, ...) - Sơ lược về an ninh năng lượng. - Nêu được một số cách để sử dụng nhiên liệu an toàn.	[3]	- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của nhiên liệu.	[4]	
Bài 15: Chất tinh khiết – Hỗn hợp	- Nêu được khái niệm chất tinh khiết, hỗn hợp.	[5] [6]	- Phân biệt được dung môi, dung dịch.	[15]	

	- Nhận ra được các chất rắn hòa tan và không tan trong nước. - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.		- Nhận ra được các chất rắn hòa tan và không hòa tan trong nước.		
Bài 16: Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp	- Trình bày được một số cách đơn giản để tách chất ra khỏi hỗn hợp. - Trình bày một số ứng dụng của cách tách chất ra khỏi hỗn hợp.	[7] [8]	- Chỉ ra được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất thông thường với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các chất trong thực tiễn.	[9]	
Bài 17: Tế bào	- Nêu được chức năng của tế bào. - Nêu được kích thước, hình dạng của một số loại tế bào. - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của cơ thể sống.	[10] [14]	- Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực qua quan sát hình ảnh. - Ý nghĩa của quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào. - Phân biệt tế bào thực vật và tế bào động vật.	[11] [16]	
Điểm		2,0		2,0	
PHẦN II. TRẮC NGHIỆM MỆNH ĐỀ ĐÚNG - SAI					
Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng
	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu	
Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất.	- Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh,...)	17 a, b, c	- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.	17 d	

	- Trình bày được một số đặc điểm cơ bản của ba thể rắn, lỏng, khí thông qua quan sát. - Nêu được một số tính chất của chất (tính chất vật lí, tính chất hóa học). - Nêu được các khái niệm về sự nóng chảy, sự sôi, sự bay hơi, sự ngưng tụ, sự đông đặc.					
Bài 17: Tế bào	- Nêu được khái niệm tế bào. - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.	18 a, b, c	- Ý nghĩa của quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào.	18 d		
Điểm		1,5		0,5		
PHẦN III. TỰ LUẬN						
Đơn vị kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng	
	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu	Yêu cầu cần đạt	Câu
Bài 8: Sự đa dạng và các thể cơ bản của chất. Tính chất của chất.			- Trình bày được quá trình diễn ra sự chuyển thể (trạng thái): nóng chảy, đông đặc, bay hơi, ngưng tụ, sôi. (Ví dụ: cho hiện tượng thực tế trình bày quá	C19 (0,5đ)		

			trình chuyển thể và kết luận về sự chuyển thể đó)			
Bài 10: Không khí và bảo vệ môi trường không khí					- Vận dụng được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.	C20 (1,0đ)
Bài 12: Nhiên liệu và an ninh năng lượng					- Vận dụng được một số cách để sử dụng nhiên liệu hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững	C21 (1,0đ)
Bài 15: Chất tinh khiết – Hỗn hợp	- Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất.	C22a (0,5đ)			- Quan sát một số hiện tượng trong thực tiễn để phân biệt được dung dịch với huyền phù, nhũ tương.	C22b (1,0đ)
Điểm		0,5		0,5		3,0